

**PHỤ LỤC 1 - DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔNG HỢP**

**QUY HOẠCH PHÂN KHU (TỶ LỆ 1/2000)  
PHƯỜNG HƯƠNG VÂN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Quy mô tính kinh phí lập quy hoạch: 840 ha

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Chi phí/ Cách tính/ Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH</b>	Nội suy quy hoạch
	<b>Gtk= A+B+C+D+E+F+G+H+I+K+L = 2.798.873.000 đồng</b>	
<b>1</b>	<b>Chi phí thiết kế quy hoạch</b>	Xb= 2.080.000.000
	- Áp dụng theo bảng 3 (Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019): Định mức chi phí lập đồ án, nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị	Xa= 1.830.000.000
	<b>A = 1.920.000.000 đồng</b>	Yb= 1.000
<b>2</b>	<b>Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:</b>	Ya= 750
	- Áp dụng theo bảng 3 (Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019): Định mức chi phí lập đồ án, nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị	Y= 840,0
	<b>B = Xb-(Xb-Xa)*(Yb-Y)/(Yb-Ya) = 118.604.000 đồng</b>	Gtk= 1.920.000.000
<b>3</b>	<b>Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:</b>	Nội suy nhiệm vụ
	Lấy bằng 20% chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	Xb= 123.750.000
	<b>C= 118.604.000 * 20,0% = 23.721.000 đồng</b>	Xa= 115.710.000
<b>4</b>	<b>Chi phí thẩm định quy hoạch:</b>	Yb= 1.000
	- Áp dụng theo bảng 11 (Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019): Định mức chi phí cho một số công việc xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch	Ya= 750
	- Áp dụng phương pháp nội suy ta có:	Y= 840,0
	$Xb-(Xb-Xa)*(Yb-Y)/(Yb-Ya) = G = 5,66\%$	Gtk= 118.604.000
	<b>D= 1.920.000.000 * 5,66% = 108.672.000 đồng</b>	
<b>5</b>	<b>Chi phí quản lý nghiệp vụ quy hoạch:</b>	Nội suy thẩm định
	- Áp dụng theo bảng 11 (Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019): Định mức chi phí cho một số công việc xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch	Xb= 5,50%
	- Áp dụng phương pháp nội suy ta có:	Xa= 7,50%
	$Xb-(Xb-Xa)*(Yb-Y)/(Yb-Ya) = G = 5,26\%$	Yb= 2.000.000.000
	<b>E= 1.920.000.000 * 5,26% = 100.992.000 đồng</b>	Ya= 1.000.000.000
<b>6</b>	<b>Chi phí công bố quy hoạch: (Điều 7 - TT20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019)</b>	Y= 1.920.000.000
	- Áp dụng không vượt quá 3%	Gtk= 5,66%
	<b>F= 1.920.000.000 * 2,0% = 38.400.000 đồng</b>	
<b>7</b>	<b>Chi phí lấy ý kiến cộng đồng: (Điều 7 - TT20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019)</b>	Nội suy quản lý
	- Áp dụng không vượt quá 2%	Xb= 5,10%
	<b>G= 1.920.000.000 * 1,5% = 28.800.000 đồng</b>	Xa= 7,10%
<b>8</b>	<b>Chi phí phản biện quy hoạch: (Văn bản 2840/UBND-TC, ngày 02 tháng 7 năm 2012)</b>	Yb= 2.000.000.000
	- Áp dụng không vượt quá 3%	Ya= 1.000.000.000
	<b>H= 1.920.000.000 * 2,0% = 38.400.000 đồng</b>	Y= 1.920.000.000
<b>9</b>	<b>Chi phí lựa chọn nhà thầu (I)</b>	Gtk= 5,26%
a	<b>Chi phí lập HSMT</b>	
	- Áp dụng Nghị định 63/2014/NĐ-CP	
	- Lấy giá trị 0,1%*(1) = 1.920.000 đồng	
b	<b>Chi phí đánh giá HSDT</b>	
	- Áp dụng Nghị định 63/2014/NĐ-CP	
	- Lấy giá trị tối thiểu = 1.920.000 đồng	
c	<b>Chi phí thẩm định HSMT</b>	
	- Áp dụng Nghị định 63/2014/NĐ-CP	
	- Lấy giá trị tối thiểu = 1.000.000 đồng	
d	<b>Chi phí thẩm định kết quả LCNT</b>	
	- Áp dụng Nghị định 63/2014/NĐ-CP	
	- Lấy giá trị tối thiểu = 1.000.000 đồng	

TT	Chi phí/ Cách tính/ Thành tiền	Ghi chú
e	Thuế VAT (a+b): (a+b) * 10,0% = 384.000	
10	Chi phí lập hồ sơ quy hoạch theo GIS: (Điều 5 - TT 20/2019/TT-BXD, 31/12/2019) K= 1.920.000.000 * 10,0% = 192.000.000 đồng	
11	Thuế VAT ( 1 + 2 +10): Đối với chi phí lập nhiệm vụ và thiết kế quy hoạch L= (A+B+K) * 10,0% = 223.060.000 đồng	
II	<b>CHI PHÍ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH:</b> Gks= = 477.009.000 đồng	
III	<b>CHI PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN:</b> - Áp dụng Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: Gttqt= (Gtk + Gks) * 0,57% = 18.673.000 đồng	
IV	<b>TỔNG CỘNG CÁC CHI PHÍ:</b> Gqh= (Gtk+Gttqt) = 3.294.555.000 đồng	

Bảng chữ: Ba tỷ, hai trăm chín mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.

**PHỤ LỤC 2 - KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**  
**LẬP QUY HOẠCH PHÂN KHU (TỶ LỆ 1/2000)**  
**PHƯỜNG HƯƠNG VÂN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1053 QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Tên gói thầu - Nội dung thực hiện	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú	
<b>I</b>	<b>Phần công việc đã thực hiện</b>	<b>130.464.000</b>	Ngân sách tỉnh							
1	Gói thầu số 01: Lập nhiệm vụ quy hoạch	130.464.000								
<b>II</b>	<b>Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu</b>	<b>321.258.000</b>								Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện
1	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	23.721.000								
2	Thẩm định quy hoạch	108.672.000								
3	Quản lý nghiệp vụ quy hoạch	100.992.000								
4	Công bố quy hoạch	38.400.000								
5	Lấy ý kiến cộng đồng	28.800.000								
6	Thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 04	2.000.000								
7	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	18.673.000								
<b>III</b>	<b>Phần công việc tổ chức lựa chọn nhà thầu</b>	<b>2.842.833.000</b>								
1	Gói thầu số 02: Khảo sát địa hình	477.009.000			Chi định thầu		Quý II/2023	Trọn gói	45 ngày	
2	Gói thầu số 03: Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu số 04	4.224.000			Chi định thầu		Quý II/2023	Trọn gói	45 ngày	
3	Gói thầu số 04: Thiết kế quy hoạch	2.112.000.000			Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn 02 túi hồ sơ	Quý II/2023	Trọn gói	120 ngày	
4	Gói thầu số 05: Lập hồ sơ quy hoạch theo GIS	211.200.000		Chi định thầu		Quý II/2023	Trọn gói	20 ngày		
5	Gói thầu số 06: Phản biện quy hoạch	38.400.000		Chi định thầu		Quý II/2023	Trọn gói	30 ngày		
<b>IV</b>	<b>Phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu</b>	<b>0</b>								
<b>Tổng giá trị các phần công việc</b>		<b>3.294.555.000</b>								

*hu*